

MỤC LỤC

Mục lục	1
PHẦN 1. ĐẶT VẤN ĐỀ.....	2
1.1. Lý do chọn đề tài.....	2
1.2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	2
1.3. Mục tiêu, nhiệm vụ nghiên cứu.....	3
1.4. Giả thiết khoa học của đề tài.....	3
1.5. Đóng góp của đề tài.....	3
1.6. Kết cấu của đề tài.....	4
PHẦN 2. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ.....	5
2.1. Cơ sở khoa học của đề tài.....	5
2.1.1. Cơ sở lí luận.....	5
2.1.2. Cơ sở thực tiễn.....	8
2.2. Số liệu điều tra khảo sát liên quan đến đề tài.....	8
2.3. Nội dung khái quát chuyên đề: Một số vấn đề về Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN).....	9
2.4. Giải quyết các mức độ câu hỏi thông qua học tập chuyên đề chuyên sâu một số vấn đề về hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN).....	17
2.5. Kết quả thực hiện.....	25
PHẦN 3. KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ.....	26
3.1. Kết luận.....	26
3.2. Kiến Nghị.....	26
Tài liệu tham khảo.....	27

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

1.1. Lí do chọn đề tài

Đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát triển năng lực của học sinh là một trong những mục tiêu hàng đầu của đổi mới giáo dục nước ta hiện nay. Cụ thể, dạy học theo hướng mới nhằm phát triển toàn diện các phẩm chất nhân cách người học, chú trọng năng lực vận dụng kiến thức vào thực tiễn cuộc sống. Một trong những phương pháp dạy học góp phần phát triển năng lực của học sinh đó là tổ chức dạy học các chuyên đề chuyên sâu.

Những năm gần đây, trong các dạng đề của kì thi học sinh giỏi tỉnh, quốc gia, Đại học, Cao đẳng và THPT quốc gia môn Lịch sử đều hướng đến mức độ vận dụng kiến thức, kiểm tra kĩ năng lập luận vấn đề. Do đó, trong công tác giảng dạy cũng như bồi dưỡng học sinh giỏi việc chú trọng phát huy năng lực giải quyết vấn đề thông qua học các chuyên đề chuyên sâu sẽ giúp học sinh phát triển tư duy sáng tạo, cũng như hứng thú với môn học.

Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) là một trong những vấn đề được đề cập nhiều đến trong các đề thi những năm gần đây. Tuy nhiên, với lượng kiến thức trong sách giáo khoa, học sinh cũng chỉ có thể nắm được các vấn đề cơ bản như: sự thành lập, quá trình phát triển của tổ chức ASEAN. Trong khi đó, mức độ vận dụng kiến thức ở các đề thi đòi hỏi cao hơn. Do đó, trên cơ sở dạy học chuyên đề chuyên sâu với hướng phát triển năng lực giải quyết vấn đề sẽ giúp học sinh nắm được bản chất của tổ chức; giải quyết được các câu hỏi, bài tập ở các mức độ khác nhau, đặc biệt là mức vận dụng cao, phục vụ hiệu quả cho các kì thi.

Với ý nghĩa đó, tôi chọn đề tài: **“Giúp học sinh giỏi giải quyết các câu hỏi, bài tập ở mức độ vận dụng cao qua việc học tập chuyên đề chuyên sâu Một số vấn đề về hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN)”** làm đề tài sáng kiến kinh nghiệm của mình.

1. 2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu: Vận dụng chuyên đề chuyên sâu trong việc nâng cao chất lượng dạy học cho đội tuyển học sinh giỏi bộ môn Lịch sử cấp THPT.

- Phạm vi của đề tài là hướng dẫn học sinh giỏi giải quyết tốt các câu hỏi, bài tập ở mức độ vận dụng cao khi học chuyên đề một số vấn đề về hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN)

1. 3. Mục tiêu, nhiệm vụ nghiên cứu

- Mục tiêu nghiên cứu: Góp phần nâng cao chất lượng bồi dưỡng đội tuyển học sinh giỏi bộ môn Lịch sử cấp THPT.

- Nhiệm vụ nghiên cứu: Hướng dẫn học sinh học tập tốt tổ chức ASEAN và vận dụng vào làm các dạng bài tập cụ thể.

1. 4. Giả thuyết khoa học của đề tài

Đề tài hướng đến giả thuyết khoa học: với việc làm rõ về Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) sẽ giúp học sinh hiểu rõ bản chất của tổ chức, liên hệ đến Việt Nam cũng như các vấn đề kinh tế, chính trị, đối ngoại hiện nay của khu vực cũng như thế giới. Trên cơ sở đó, đề tài góp phần phát triển năng lực giải quyết vấn đề cho học sinh cũng như nâng cao chất lượng kì thi học sinh giỏi olympic cấp tỉnh, khu vực; học sinh giỏi Tỉnh, Quốc gia nói riêng và dạy học Lịch sử nói chung.

1. 5. Đóng góp của đề tài

- Đề tài nêu rõ về tổ chức ASEAN gồm: sự thành lập, quá trình phát triển, những thành tựu của ASEAN, mối quan hệ Việt Nam – ASEAN, vai trò của Việt Nam với ASEAN.

- Qua việc hướng dẫn của giáo viên, học sinh sẽ nắm vững về tổ chức đồng thời vận dụng vào việc giải quyết các dạng câu hỏi, từ đó phát huy tính tích cực, tư duy sáng tạo của mình trong quá trình học tập.

- Đề tài có thể làm tài liệu tham khảo cho giáo viên trong việc bồi dưỡng trong đội tuyển học sinh giỏi môn Lịch sử thi học sinh giỏi olympic cấp tỉnh, khu vực; học sinh giỏi Tỉnh, Quốc gia.

1.6. Kết cấu của đề tài

1. Đặt vấn đề
2. Giải quyết vấn đề
3. Kết luận và kiến nghị

2. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ

2.1. Cơ sở khoa học của đề tài

2.1.1. Cơ sở lí luận

2.1.1.1. Chuyên đề chuyên sâu trong dạy học Lịch sử

Chuyên đề chuyên sâu trong dạy học Lịch sử là một trong những vấn đề đang được quan tâm hiện nay trong đổi mới, nâng cao chất lượng dạy học. Với việc dạy học chuyên đề chuyên sâu sẽ góp phần thực hiện được các mục tiêu của bộ môn đặt ra. Về mặt kiến thức: cung cấp kiến thức Lịch sử ở chương trình nâng cao, học sinh được học sâu những sự kiện cơ bản trong quá trình phát triển của Lịch sử thế giới và Lịch sử dân tộc; tạo hứng thú say mê học tập, tìm hiểu Lịch sử cho học sinh. Về kĩ năng: Hình thành kĩ năng tư duy Lịch sử và tư duy logic, nâng cao năng lực xem xét, đánh giá sự kiện, hiện tượng trong mối quan hệ không gian, thời gian và nhân vật Lịch sử; Rèn luyện kĩ năng học tập bộ môn một cách độc lập, thông minh như làm việc sách giáo khoa, sưu tầm và sử dụng các loại tư liệu Lịch sử, làm bài thực hành; Phát triển khả năng phân tích, đánh giá, so sánh, tổng hợp; Vận dụng kiến thức vào thực tiễn; Biết đặt vấn đề và giải quyết vấn đề trong quá trình học tập.

Với những mục tiêu đó, việc vận dụng chuyên đề chuyên sâu trong việc giải quyết các mức độ câu hỏi: từ nhận biết, thông hiểu đến vận dụng ở các cấp độ sẽ giúp học sinh ghi nhớ, hiểu rõ vấn đề lịch sử.

2.1.1.2. Các mức độ (cấp độ) nhận thức của câu hỏi Lịch sử

*** Các cấp độ tư duy trong dạy học lịch sử:**

Đặc điểm của quá trình nhận thức lịch sử là đi từ sự kiện đến biểu tượng đến hình thành khái niệm và nêu quy luật phát triển của lịch sử. Chính vì vậy có thể xác định mức độ của câu hỏi từ nhận biết đến thông hiểu và đến vận dụng (*điều này cũng đáp ứng yêu cầu của việc đổi mới kiểm tra đánh giá trong dạy học lịch sử nói riêng và dạy - học nói chung*).

Cấp độ tư duy	Mô tả
Nhận biết	<p>- Học sinh nhớ được (<i>bản chất</i>) những khái niệm cơ bản của chủ đề và có thể nêu hoặc nhận ra các khái niệm khi được yêu cầu.</p> <p>- Đây là bậc thấp nhất của nhận thức, khi học sinh kể tên, nêu lại, nhớ lại một sự kiện, hiện tượng.</p> <p><i>Ví dụ: Học sinh nhớ được ngày, tháng của một sự kiện lịch sử, tên một nhân vật lịch sử cụ thể.</i></p>
Thông hiểu	<p>- Học sinh hiểu các khái niệm cơ bản và có thể sử dụng khi câu hỏi được đặt ra gần với các ví dụ học sinh đã được học trên lớp.</p> <p>- Ở bậc nhận thức này, học sinh có thể giải thích được một sự kiện, hiện tượng lịch sử, tóm tắt được diễn biến một sự kiện, nghe và trả lời được câu hỏi có liên quan.</p> <p><i>Ví dụ: Học sinh có thể giải thích được sự kiện lịch sử diễn ra như thế nào.</i></p>
Vận dụng ở cấp độ thấp	<p>- Học sinh vượt qua cấp độ hiểu đơn thuần và có thể sử dụng các khái niệm của chủ đề trong các tình huống tương tự nhưng không hoàn toàn giống như tình huống đã gặp trên lớp.</p> <p>- Ở bậc nhận thức này, học sinh có thể sử dụng được kiến thức để giải quyết 1 tình huống cụ thể.</p> <p><i>Ví dụ: Áp dụng một sự kiện lịch sử này để lý giải một sự kiện khác.</i></p>
Vận dụng ở cấp độ cao	<p>- Học sinh có khả năng sử dụng các khái niệm cơ bản để giải quyết một vấn đề mới hoặc không quen thuộc chưa từng được học hoặc trải nghiệm trước đây, nhưng có thể</p>

	<p>giải quyết bằng các kỹ năng và kiến thức đã được dạy ở mức độ tương đương. Các vấn đề này tương tự như các tình huống thực tế học sinh sẽ gặp ngoài môi trường lớp học.</p> <p>- Ở bậc này học sinh phải xác định được những thành tố trong 1 tổng thể và mối quan hệ qua lại giữa chúng; phát biểu ý kiến cá nhân và bảo vệ được ý kiến đó về 1 sự kiện, hiện tượng hay nhân vật lịch sử nào đó.</p> <p><i>Ví dụ: Tìm hiểu một sự kiện, hiện tượng, nhân vật lịch sử, học sinh phải phân biệt, phân tích được các sự kiện, hiện tượng, nhân vật lịch sử khác nhau, v.v. Hoặc học sinh đánh giá được một sự kiện, nhân vật lịch sử.</i></p>
--	--

Trong dạy học, để thuận lợi cho việc xác định mục tiêu nhận thức của bài học, các nhà giáo dục đã đưa về các bậc:

Biết (*bậc 1*): Với các động từ: nêu, liệt kê, trình bày, khái quát, kể tên v.v.

Hiểu (*bậc 2*): Với các động từ: giải thích, phân biệt, tại sao, vì sao, hãy lí giải, vì sao nói v.v.

Vận dụng (*bậc 3*): Với các động từ: so sánh, phân tích, bình luận, nhận xét, vận dụng, đánh giá v.v...

*** Xác định các cấp độ nhận thức của câu hỏi thông qua các cấp độ tư duy:**

Các mức độ câu hỏi (*hay chính là độ khó của câu hỏi*) khi giáo viên đặt ra nhằm phục vụ cho quá trình nhận thức của học sinh ở các cấp độ khác nhau như: Nhận biết, thông hiểu, vận dụng... Nó tương ứng với độ khó của các mức độ sau:

- *Câu hỏi tái hiện*: Nhằm khơi gợi, tái hiện lại những kiến thức cơ bản mà HS cần nắm.

- *Câu hỏi giải thích minh họa*: Làm sáng tỏ các vấn đề đặt ra để hiểu sâu, hiểu cụ thể về sự kiện, hiện tượng lịch sử.

- *Câu hỏi tìm tòi*, đòi hỏi HS từ những kiến thức cơ bản đã học phát hiện ra những vấn đề mới, mối quan hệ, đối chiếu giữa các sự kiện, hiện tượng lịch sử từ đó rút ra kết luận chung.

2.1.2. Cơ sở thực tiễn

Trong thực tiễn giảng dạy môn Lịch sử ở cấp THPT, nhiều giáo viên chú trọng đến việc truyền đạt kiến thức hơn là tập cho học sinh tự học tự rèn tự lĩnh hội kiến thức một cách có hệ thống để có khả năng nghiên cứu chuyên sâu từ đó hiểu và vận dụng một vấn đề lịch sử vào bài làm có hiệu quả tốt nhất, kích thích sự say mê nghiên cứu tìm tòi của các em.

Vấn đề Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) là một vấn đề hay được đề cập đến trong bài 4: Các nước Đông Nam Á và Ấn Độ, chương trình lớp 12 ban cơ bản. Nhưng nếu chỉ dừng lại ở những kiến thức trong sách giáo khoa thì sẽ tạo sự nhàm chán cho học sinh. Đặc biệt, đối với học sinh giỏi nếu chỉ học đơn thuần như vậy sẽ không hiểu rõ các vấn đề liên quan như: mối quan hệ Việt Nam và ASEAN, vai trò Việt Nam trong ASEAN để giải quyết các dạng câu hỏi, bài tập ở mức độ cao hơn. Trong khung chương trình Lịch sử THPT, chúng tôi đã tổ chức dạy học chuyên đề chuyên sâu: Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) trong đội tuyển thi học sinh giỏi môn lịch sử olympic cấp tỉnh, khu vực; học sinh giỏi Tỉnh, Quốc gia.

2.2. Số liệu điều tra khảo sát liên quan đến đề tài

Theo quá trình khảo sát của bản thân, tôi nhận thấy trong thời gian hơn 12 năm giảng dạy bộ môn Lịch sử ở trường và tham gia dạy đội tuyển học sinh giỏi môn lịch sử olympic cấp tỉnh, khu vực; học sinh giỏi Tỉnh, các câu hỏi liên quan đến ASEAN được chú trọng. Các câu hỏi đó không yêu cầu học sinh trình bày sự kiện đơn thuần mà yêu cầu phân tích, bình luận, liên hệ những vấn đề thực tiễn... Kết quả làm bài thi của học sinh cho thấy đa số các em vẫn lúng túng khi giải quyết các câu hỏi ở mức độ vận dụng cao. 80% các em được khảo sát ở trong đội tuyển đều chưa hiểu rõ được về tổ chức này. Chỉ có 20% em đạt điểm gần tuyệt đối đối với câu hỏi

liên quan đến tổ chức trong các bài kiểm khảo sát chất lượng đầu vào của đội tuyển. Do đó, để học sinh vận dụng tốt bài học, nắm được bản chất sự kiện đòi hỏi giáo viên cần chú trọng xây dựng chuyên đề chuyên sâu theo hướng phát triển năng lực học sinh.

2.3. Nội dung khái quát chuyên đề: Một số vấn đề về Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN)

Chuyên đề được kết cấu như sau:

- Sự ra đời và quá trình phát triển của ASEAN
- Những thành tựu kinh tế, an ninh chính trị, văn hóa – xã hội của ASEAN
- Mối quan hệ giữa Việt Nam và ASEAN

Ở đây, tôi xin khái quát một số nội dung cơ bản như sau:

2.3.1. Sự ra đời và quá trình phát triển của tổ chức ASEAN:

2.3.1.1. Sự ra đời của ASEAN

- Sau khi giành được độc lập, nhiều nước trong khu vực bước vào phát triển kinh tế song gặp nhiều khó khăn và thấy cần phải hợp tác để cùng phát triển.

- Cuộc chiến tranh lạnh giữa hai cực Xô – Mỹ diễn ra ngày càng khốc liệt. Cả hai đều viện trợ cho các nước đồng minh ở Đông Nam Á nhằm giành ưu thế trong quá trình tranh giành quyền lực. Hai nhóm nước Đông Nam Á đều bị lôi cuốn vào vòng xoáy của cuộc chiến tranh. Họ muốn hạn chế ảnh hưởng của các cường quốc bên ngoài đối với khu vực.

- Cách mạng khoa học kỹ thuật đã thúc đẩy quá trình nhất thể hóa nền kinh tế thế giới. Muốn tồn tại và phát triển, các nước đang phát triển phải tăng cường hội nhập hợp tác quốc tế.

- Các tổ chức hợp tác khu vực trên thế giới xuất hiện ngày càng nhiều đã cổ vũ các nước Đông Nam Á liên kết với nhau: Liên đoàn các nước Ả rập, EEC,...

-> Do đó, 8-8-1967, Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN) được thành lập tại Băng Cốc (Thái Lan) gồm 5 nước Indônêxia, Malaixia, Xingapo, Thái Lan, Philippin)

- Mục tiêu: xây dựng mối quan hệ hoà bình, hữu nghị và hợp tác giữa các nước trong khu vực, tạo nên một cộng đồng Đông Nam Á hùng mạnh.

2.3.1.2. Quá trình phát triển của ASEAN

* 1967-1976: ASEAN là một tổ chức non yếu, hợp tác lỏng lẻo, chưa có vị trí trên trường quốc tế.

* 1976 – nay: trở thành một tổ chức hợp tác chặt chẽ, ngày càng có vị trí trên trường quốc tế.

- Tháng 2-1976 tại hội cấp cao ASEAN lần thứ nhất họp tại Bali (Indônêxia), Hiệp ước Bali xác định những nguyên tắc cơ bản trong quan hệ giữa các nước:

- + Tôn trọng độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ
- + Không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau
- + Không sử dụng vũ lực hoặc đe dọa bằng vũ lực đối với nhau
- + Giải quyết các tranh chấp bằng phương pháp hòa bình
- + hợp tác phát triển có hiệu quả trong các lĩnh vực kinh tế, văn hóa và xã hội.

- Phát triển về số lượng:

+ Năm 1984, Brunây gia nhập và trở thành thành viên thứ 6 của ASEAN.

+ Tiếp đó, ASEAN kết nạp thêm Việt Nam (1995), Lào và Myanma (1997), Campuchia (1999).

-> ASEAN từ 5 nước sáng lập ban đầu đã phát triển thành 10 nước thành viên hợp tác ngày càng chặt chẽ về mọi mặt.

*** Ý nghĩa Việt Nam gia nhập ASEAN:**

- Về phía ASEAN:

+ Đông Nam Á là khu vực địa lí – lịch sử - văn hóa riêng biệt của thế giới nhưng do sự thống trị của thực dân nhất là sau chiến tranh hai, khu vực bị chia rẽ

thành hai khối đối đầu nhau do tác động của những nhân tố bên ngoài, bởi vậy, việc Việt Nam trở thành thành viên thứ 7 khiến cho hai khối nước này xích lại gần nhau, biến ASEAN thành một tổ chức thống nhất tất cả các nước trong khu vực.

+ Trong số các cường quốc, các nước ASEAN coi Trung Quốc là nước có tham vọng nhất với họ -> Việt Nam là thành viên thì sẽ tăng cường sức mạnh của tổ chức trong việc đối phó với Trung Quốc, tạo điều kiện mở rộng quan hệ với các nước Nga – Đông Âu đã từng đồng minh với Việt Nam.

+ Kinh tế: Việt Nam là quốc gia giàu tài nguyên, dân đông -> là thị trường đầu tư thương mại của tổ chức

- Với Việt Nam:

+ Sau khi Liên Xô, Đông Âu sụp đổ, cuối những năm 80, đầu 90, Việt Nam bị cô lập vì mất đi thị trường truyền thống -> gia nhập sẽ giúp Việt Nam thoát khỏi cô lập trên trường quốc tế, hội nhập khu vực, cải thiện quan hệ với các nước trong các tổ chức quốc tế: IMF, Ngân hàng châu Á...

+ Cơ hội mở rộng thị trường cho Việt Nam, tiếp thu những thành tựu khoa học kỹ thuật và thu hút vốn đầu tư của tổ chức

+ Cơ hội để giải quyết những bất đồng về vấn đề chủ quyền biên giới đang tồn tại giữa các nước, nhất là ở thềm lục địa: Việt Nam – Thái Lan.

+ Là bước đi đầu tiên để Việt Nam làm quen với môi trường mới nhằm mở rộng hợp tác với các nước châu Á và trên thế giới.

2.3.2. Thành tựu hợp tác kinh tế, an ninh – chính trị, văn hóa – xã hội của ASEAN

2.3.2.1. Hợp tác kinh tế của ASEAN:

- Trao đổi thương mại nội khối của tổ chức là 23,5%

- Thiết lập được khu vực mậu dịch tự do AFTA (1992) và hoàn thành vào năm 2008 với thị trường rộng lớn

- Chủ động đề xuất diễn đàn hợp tác Á – Âu (ASEM); tích cực tham gia diễn đàn hợp tác kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương (APEC)

- Đầu tư nội khối đạt 25%, trong đó nguồn vốn chủ yếu là từ Xingapo, Thái Lan, Malaixia...

- Tạo điều kiện cho các nước tham gia hợp tác sâu rộng với các nước Châu Á – Thái Bình Dương và thế giới. Từ AFTA các nước đã vươn lên thiết lập khu vực mậu dịch tự do ASEN – Trung Quốc và đang tiến hành đàm phán với Hàn Quốc, Nhật Bản vào 2015

-> Đưa tổ chức thành một khu vực năng động nhất thế giới

2.3.2.2. Hợp tác chính trị - an ninh của ASEAN:

- Từ hiệp ước Bali (1976) đã đưa ra các nguyên tắc trong quan hệ giữa các nước ASEAN về mọi mặt

- ASEAN đã hòa giải và thắt chặt quan hệ giữa các nước thành viên, duy trì hòa bình trong khu vực. Trước khi ASEAN ra đời đã có một số tổ chức khu vực nhưng nhanh chóng bị tan rã do bất đồng chủ quyền lãnh thổ nhưng cho đến nay, gần ½ thế kỉ ASEAN vẫn tồn tại, phát triển và ngày càng uy tín vì đã giải quyết những vấn đề bất đồng trong khu vực: vấn đề Campuchia cuối những năm 80, đầu năm 90; đưa ra tuyên bố biển Đông Nam Á thành khu vực không có vũ khí hạt nhân (1987); tuyên bố về biển Đông (1992 – Tuyên bố Manila)

- ASEAN đã xóa bỏ tình trạng chia rẽ chính thể đối lập nhau tạo điều kiện xây dựng Đông Nam Á thành một khu vực hòa bình, ổn định. Với ASEAN gồm 10 quốc gia như hiện nay, lần đầu tiên Đông Nam Á thành một thực thể thống nhất.

- ASEAN đã đặt nền móng cho quá trình trung lập hóa Đông Nam Á.

- ASEAN đã tạo nền tảng để các nước Đông Nam Á liên kết hợp tác với các cường quốc khác trên thế giới nhằm giải quyết những vấn đề an ninh khu vực: năm 1993, các nước đã thành lập diễn đàn khu vực ARF với sự tham gia của 28 nước:

10 nước ASEAN, Mỹ, Nga, Trung Quốc, EU; đối thoại với các nước về vấn đề chính trị theo phương thức ASEAN + 3; +1...

- Năm 2007, các nước kí vào bản Hiến chương ASEAN nhằm xây dựng một cộng đồng ASEAN có vị thế cao hơn và hiệu quả hơn về mọi mặt

2.3.2.3. Hợp tác văn hóa – xã hội:

- Trong tuyên bố Bali đã nêu rõ cộng đồng văn hóa xã hội ASEAN là cộng đồng các xã hội đùm bọc lẫn nhau, sống hài hòa, ổn định với nhau, lấy con người làm trung tâm nhằm nâng cao mức sống của nhân dân, trao nhân dân quyền tự do dân chủ.

- Giao lưu văn hóa giữa các quốc gia dân tộc

=> Trong quá trình phát triển và hội nhập, ASEAN đạt được nhiều thành tựu to lớn, nền kinh tế các nước thành viên phát triển mạnh, với tư cách là một tổ chức liên minh chính trị - kinh tế, ASEAN đẩy mạnh hợp tác kinh tế, xây dựng thành khu vực hòa bình, ổn định, phát triển, mở rộng quan hệ quốc tế và ngày càng nâng cao địa vị quốc tế của mình. 31/12/2015, ASEAN đã thành lập cộng đồng ASEAN, mở ra thời kỳ phát triển mới của tổ chức.

* Hiện nay, ASEAN cần làm gì để bảo đảm hòa bình, an ninh khu vực?

- Nhấn mạnh các mục tiêu, nguyên tắc của ASEAN:

+ Đoàn kết và nêu cao tinh thần trách nhiệm chung đối với hòa bình, an ninh khu vực

+ Khẳng định vai trò trung tâm trong vấn đề biển Đông

+ Lên án các hành động xâm phạm chủ quyền lãnh thổ của các quốc gia; gần đây nhất là lên án hành động của Trung Quốc, yêu cầu Trung Quốc tôn trọng luật pháp quốc tế về vấn đề biển Đông .

2.3.3. Mối quan hệ giữa ASEAN với Việt Nam

* **Thời kỳ 1967-1973:** Một số nước ASEAN là thành viên của khối SEATO (Philippines và Thái Lan) là đồng minh của Mỹ trong cuộc chiến tranh với Việt Nam, dẫn đến quan hệ căng thẳng.

* **Thời kỳ 1973-1978:**

- Sau hiệp định Paris (1973) Việt Nam đặt quan hệ ngoại giao với Malaixia và Singapo, đến 1976 đặt quan hệ ngoại giao với Thái Lan và Philippin.

- Các bên đã tổ chức nhiều cuộc thăm chính thức lẫn nhau, đặt quan hệ hợp tác đơn phương và đa phương.

* **Thời kỳ 1979-1989 :** Do vấn đề Campuchia, nên mối quan hệ bị đình trệ.

* **Thời kỳ 1990 -> nay:**

- Quan hệ chuyển dần từ đối đầu sang đối thoại, hợp tác tôn trọng hòa bình: (các thay đổi trong quan hệ giữa 5 nước trong Hội đồng Bảo an; Đông Nam Á về thời kỳ hòa bình, ổn định và phát triển)

- Giữa ASEAN và các nước Đông Dương đã có nhiều cuộc tiếp xúc, trao đổi hợp tác trên mọi lĩnh vực.

- Các nước ASEAN có vốn đầu tư vào Việt Nam ngày càng nhiều.

- 22/7/1992 Việt Nam được mời làm quan sát viên.

- 28/7/1995 Việt Nam chính thức gia nhập ASEAN.

- Đây là sự kiện quan trọng trong việc thúc đẩy xu thế hòa bình, ổn định và hợp tác ở khu vực Đông Nam Á.

* **Thời cơ và thách thức khi Việt Nam gia nhập ASEAN:**

+ Thời cơ: Tạo điều kiện cho Việt nam hòa nhập cộng đồng khu vực vào thị trường các nước Đông Nam Á, Thu hút vốn đầu tư, mở ra thời cơ giao lưu học tập, tiếp thu trình độ KHKT - công nghệ và văn hóa... để phát triển đất nước.

+ Thách thức: Việt nam phải chịu sự cạnh tranh quyết liệt nhất là kinh tế. Hòa nhập nếu không đứng vững dễ bị tụt hậu về kinh tế và bị “Hòa tan” về chính trị, văn hóa, xã hội.

2.3.3.1. Vai trò của Việt Nam đối với ASEAN

- Về chính trị - an ninh:

+ Trước khi trở thành thành viên của ASEAN ngay từ 1993, Việt Nam đã tham gia tích cực vào các hội nghị của ASEAN và Việt Nam được là một trong những nước tham gia sáng lập diễn đàn khu vực ARF và kể từ khi là thành viên, Việt Nam đã đóng góp tích cực làm cho diễn đàn hoạt động có hiệu quả. Việt Nam đã đưa ra những sáng kiến để giải quyết những bất đồng với các nước thành viên, về vấn đề phân định thềm lục địa, chủ quyền quốc gia trên biển; là cầu nối để mời Nga tham gia vào diễn đàn này.

+ Góp phần tăng cường củng cố khối đoàn kết trong ASEAN. Sự tham gia của Việt Nam đã mở ra quá trình biến ASEAN thành một tổ chức của nhiều nước trong khu vực: góp phần hòa giải những bất đồng giữa Thái Lan và Campuchia, Lào và Thái Lan; góp phần làm cho các nước hiểu thêm về Mianma.

+ Việt Nam có nhiều đóng góp trong việc đưa hiệp ước thân thiện và hợp tác Đông Nam Á kí năm 2012 trở thành công cụ ngoại giao phòng ngừa thành nguyên tắc ứng xử giữa các nước ASEAN và với các nước ngoài. Từ 1998, Việt Nam cùng với các nước trong tổ chức đã soạn thảo quy chế hoạt động của hội đồng tối cao TAC để dần dần biến TAC trở thành một quy tắc ứng xử giữa Việt Nam và các nước Đông Bắc Á và nhiều nước trên thế giới.

+ Năm 1998, lần đầu tiên Việt Nam đăng cai tổ chức hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ 6 trong bối cảnh kinh tế ASEAN lâm vào khủng hoảng. Đây là lần đầu tiên VN tổ chức hội nghị cấp cao nhưng đã làm hết sức mình để hội nghị thành công rực rỡ.

+ Năm 2000->2001, Việt Nam là chủ tịch Ủy ban thường trực của ASEAN, trên cương vị này, Việt Nam đã định hướng hành động của hiệp hội vào việc tăng cường tình đoàn kết trong nội khối và mở rộng hợp tác với bên ngoài.

+ Khi là chủ nhà của Hội nghị cấp cao lần thứ 10, Việt Nam đã góp phần đưa vào sự thành công của hội nghị; cũng là nước tổ chức thành công hội nghị quốc phòng và đưa vấn đề Biển Đông vào chương trình nghị sự của hội nghị này.

+ Việt Nam đã góp phần bảo vệ và giữ vững nguyên tắc của hiệp hội, nhất là nguyên tắc đồng thuận -> tạo sự ổn định

+ Việt Nam đã tham gia tích cực vào soạn thảo văn bản tiến tới thành lập cộng đồng ASEAN

- Về kinh tế:

+ Góp phần mở rộng thị trường cho các nước ASEAN về thương mại và đầu tư. Việt Nam tiếp nhận các cơ sở công nghiệp với trình độ công nghệ trung bình, sử dụng nhiều lao động của các nước ASEAN góp phần phát triển kinh tế của ASEAN.

+ Việt Nam tích cực tham gia vào hội nghị giảm thuế để tiến tới thành lập AFTA, hoàn thành đúng thời hạn vào 01/2008. Đây là cố gắng của Việt Nam trong quá trình kí cam kết với ASEAN.

+ Việt Nam tham gia soạn thảo chương trình liên kết hợp tác của ASEAN như là chương trình hợp tác Việt Nam, chương trình đầu tư cũng như tham gia vào dự án phát triển của ASEAN: dự án phát triển vùng sông Mê Công, dự án con đường liên Á.

+ Kể từ 2012, Việt Nam đã tích cực tham gia vào tiến trình chuẩn bị thành lập cộng đồng kinh tế ASEAN.

+ Là nền kinh tế có tốc độ tăng trưởng kinh tế khá cao trong các nước ASEAN (96 -> nay: 7%) đã góp phần vào thành công chung của kinh tế ASEAN, biến khu vực Đông Nam Á thành khu vực phát triển năng động

+ Việt Nam góp phần vào giải quyết khủng hoảng tài chính, tiền tệ năm 1997, 2000, 2008

=> thành công của Việt Nam trong phát triển kinh tế, bảo đảm an ninh chính trị đã góp phần không nhỏ vào sự lớn mạnh của ASEAN. Vị thế của Việt Nam được

nâng cao trên trường quốc tế. Đồng thời, với việc thành lập cộng đồng ASEAN, Việt Nam sẽ ngày càng phát triển trên cơ sở tiềm lực và uy tín của mình.

2.4. Giải quyết các mức độ câu hỏi thông qua học tập chuyên đề chuyên sâu một số vấn đề về hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN).

2.4.1. Bảng mô tả các mức yêu cầu cần đạt cho mỗi loại câu hỏi/bài tập trong chuyên đề

Nội dung	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng thấp	Vận dụng cao
Sự ra đời và quá trình phát triển của ASEAN	Trình bày hoàn cảnh ra đời và quá trình phát triển của ASEAN	<ul style="list-style-type: none"> - Giải thích được sự ra đời của tổ chức ASEAN - Giải thích được sự phân chia các giai đoạn phát triển của ASEAN - Giải thích được sự khởi sắc của ASEAN từ sau hiệp ước Bali 	<ul style="list-style-type: none"> - Liên hệ với những nguyên tắc hoạt động của Liên hợp quốc. 	<ul style="list-style-type: none"> - Phát biểu được ý kiến về một trong những nguyên tắc hoạt động của ASEAN trong hiệp ước Bali, đồng thời liên hệ đến thực tiễn hiện nay của các nước trong khu vực - Giải thích được việc mở rộng thành viên của ASEAN lâu dài và đầy trở ngại - Giải thích được hiện nay các nước ASEAN lại chú trọng vấn đề an ninh

				chính trị
Thành tựu hợp tác kinh tế, an ninh chính trị, văn hóa - xã hội của ASEAN	Trình bày thành tựu của ASEAN trên các lĩnh vực kinh tế, an ninh – chính trị, văn hóa – xã hội	Giải thích được các thành tựu nổi bật của ASEAN	Đánh giá về tiềm lực và vai trò của ASEAN hiện nay	Phân tích thời cơ và thách thức của các nước thành viên khi cộng đồng ASEAN được thành lập
Mối quan hệ giữa Việt Nam và ASEAN	- Trình bày được mối quan hệ Việt Nam và ASEAN qua các giai đoạn - Nêu rõ được vai trò của Việt Nam với ASEAN	- Giải thích được việc phân chia giai đoạn trong quan hệ giữa ASEAN và Việt Nam	- Phân tích được những thời cơ và thách thức khi Việt Nam gia nhập ASEAN	- Liên hệ được hiện nay Việt Nam và ASEAN cần làm gì để bảo vệ hòa bình, an ninh khu vực.

2.4.2. Hệ thống câu hỏi/bài tập đánh giá theo các mức độ đã mô tả

1. Trình bày hoàn cảnh ra đời và quá trình phát triển của tổ chức ASEAN.
2. Vì sao nửa sau năm 60 của thế kỉ XX, các nước trong khu vực Đông Nam Á lại thành lập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á - ASEAN?
3. Vì sao nói, từ sau hội nghị cấp cao lần thứ nhất họp tại Bali (Indonesia) tháng 2/1976, ASEAN có bước phát triển mới?

4. Những yếu tố nào làm cho ASEAN mở rộng thành viên trên toàn Đông Nam Á? Vì sao quá trình mở rộng thành viên của ASEAN diễn ra lâu dài và đầy trở ngại?

5. Vì sao trong quá trình tồn tại và phát triển của mình, các nước ASEAN lại coi trọng vấn đề an ninh – chính trị? Việt Nam và các quốc gia Đông Nam Á cần làm gì để đảm bảo hòa bình và an ninh ở biển Đông?

6. Hiệp ước Ba li xác định những nguyên tắc cơ bản nào trong quan hệ giữa các nước ASEAN? Phát biểu ý kiến của anh chị về nguyên tắc: Tôn trọng độc lập, chủ quyền, và toàn vẹn lãnh thổ của nhau

7. Trình bày mối quan hệ Việt Nam và ASEAN. Thời cơ và thách thức đối với Việt Nam khi gia nhập ASEAN là gì?

8. Trình bày vai trò của Việt Nam đối với tổ chức ASEAN.

9. Những thách thức chính của các nước thành viên ASEAN khi cộng đồng ASEAN được thành lập.

10. Các nước ASEAN cần làm gì để giải quyết thách thức lớn nhất của mình là sự hài hòa lợi ích quốc gia và lợi ích khu vực?

2.4.3. Hướng dẫn học sinh trả lời một số câu hỏi ở mức độ vận dụng cao

Câu 4. Những yếu tố nào làm cho ASEAN mở rộng thành viên trên toàn Đông Nam Á? Vì sao quá trình mở rộng thành viên của ASEAN diễn ra lâu dài và đầy trở ngại?

*** Những yếu tố làm cho ASEAN mở rộng thành viên:**

- 8-8-1967, Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN) được thành lập tại Băng Cốc (Thái Lan) gồm 5 nước Indônêxia, Malaixia, Xingapo, Thái Lan, Philippin). Năm 1984, sau khi giành độc lập, Brunay gia nhập ASEAN và trở thành thành viên thứ 6 của tổ chức. Năm 1995, Việt Nam chính thức trở thành thành viên thứ bảy. Năm 1997, Lào và Mianma trở thành thành viên của tổ chức. Năm 1999, Campuchia trở thành thành viên thứ mười của ASEAN.

- Các nước Đông Nam Á đã giành được độc lập dân tộc hoàn toàn
- Các nước Đông Nam Á có nền kinh tế không cách biệt nhau lắm và từ lâu đã liên hệ, trao đổi kinh tế, văn hóa với nhau.

- Sau khi giành được độc lập, do nền kinh tế đã bắt đầu phát triển, các nước Đông Nam Á ngày càng muốn thoát khỏi sự lệ thuộc vào các nước lớn.

- Tác động của cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật và xu hướng toàn cầu hóa, đã thúc đẩy quá trình nhất thể hóa nền kinh tế thế giới, làm cho các nước Đông Nam Á có xu hướng liên kết về kinh tế và chính trị.

*** Quá trình mở rộng thành viên lâu dài và đầy trở ngại là vì:**

- Cuộc đấu tranh giành độc lập của mỗi nước giành thắng lợi không cùng nhau: Các nước thực dân Âu Mỹ công nhận độc lập của Phi (1946), Miến Điện (1948), Inđô (1950), Ma lai (1957), Xin ga po giành quyền tự trị (1959); Việt Nam, Lào, Cam (1975), thực dân Anh công nhận độc lập của Bru (1984)

- Các nước Đông Nam Á hình thành hai nhóm nước với hai hệ tư tưởng khác nhau, thậm chí đối lập: Thái, Phi, Miến, Inđô, Malai, Xin theo TBCN; Lào, Việt Nam theo hệ tư tưởng XHCN. Đồng thời chịu tác động của chiến tranh lạnh. Trong một thời gian, Thái Lan và Phi đã tham gia vào cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam do Mỹ tiến hành

- 1976, hiệp ước Ba-li mở ra thời kỳ mới trong quan hệ giữa các nước thành viên ASEAN và giữa ASEAN với các nước còn lại trong khu vực. Từ đó quan hệ giữa hai nhóm nước được cải thiện

- Từ đầu những năm 90, chiến tranh lạnh chấm dứt, xu thế đối thoại, hợp tác đã xuất hiện trong quan hệ quốc tế. Mặt khác, vấn đề Cam được giải quyết, các nước Đông Nam Á có điều kiện hợp tác trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa. Do vậy AS mở rộng thành viên trên toàn Đông Nam Á

Câu 5. Vì sao trong quá trình tồn tại và phát triển của mình, các nước ASEAN lại coi trọng vấn đề an ninh – chính trị? Việt Nam và các quốc gia Đông Nam Á cần làm gì để đảm bảo hòa bình và an ninh ở biển Đông?

*** Các nước ASEAN coi trọng vấn đề an ninh – chính trị vì:**

- Mục tiêu của tổ chức khi thành lập là hợp tác kinh tế, văn hóa được đưa lên hàng đầu nhưng trong thực tế hoạt động họ lại coi trọng vấn đề hợp tác an ninh chính trị. Vì:

+ Thứ nhất, ASEAN ra đời trong bối cảnh của cuộc chiến tranh lạnh giữa hai khối Đông – Tây. Cuộc chiến tranh đó cũng đang diễn ra ở khu vực Đông Nam Á, làm chia rẽ hai nhóm nước

+ Thứ hai, cuộc chiến tranh của Mỹ cũng đang diễn ra khốc liệt ở Đông Dương. Tình hình này đặt các nước ASEAN coi trọng vấn đề an ninh chính trị.

+ Thứ ba, ASEAN ra đời mang tính tự vệ, họ rất e ngại sự can thiệp của các nước lớn đối với khu vực, trong bối cảnh áp lực của các nước lớn ngày càng tăng.

+ Thứ tư, tình hình khu vực cũng không ổn định. Cuộc chiến tranh Đông Dương của Mỹ; vấn đề Campuchia; vấn đề khủng bố của những phần tử cực đoan ở Thái Lan... gần đây là vụ đánh bom ở Băng Cốc (Thái Lan)...

+ Thứ năm, vấn đề tranh chấp lãnh thổ biển đảo trong khu vực giữa các nước ASEAN với nhau, giữa các nước ASEAN với Trung Quốc, vấn đề biên giới...

*** Việt Nam và các quốc gia Đông Nam Á cần làm gì để đảm bảo hòa bình và an ninh ở biển Đông:**

- Nắm vững các nguyên tắc trong Hiến chương Liên hợp quốc và các nguyên tắc trong hiệp ước Ba li: tôn trọng quyền bình đẳng và tự quyết của các dân tộc; tôn trọng toàn vẹn lãnh thổ và độc lập chính trị của tất cả các nước

- Năm vững Công ước quốc tế về luật biển 1982 của Liên hợp quốc (quy định chủ quyền về vùng Nội thủy, Lãnh hải, Vùng tiếp giáp Lãnh hải, Vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa của một quốc gia)

- Năm vững Tuyên bố về cách ứng xử của các bên ở biển Đông (DOC) (được ASEAN và Trung Quốc kí ngày 4/11/2002 tại Hội nghị cấp cao AS lần thứ 8 Phnom- Pênh)

- Các nước Đông Nam Á dựa vào các nguyên tắc có tính chất pháp lí trên để đấu tranh bảo vệ nền độc lập dân tộc

+ Đoàn kết và nêu cao tinh thần trách nhiệm chung đối với hòa bình, an ninh khu vực

+ Khẳng định vai trò trung tâm trong vấn đề biển Đông

+ Lên án các hành động xâm phạm chủ quyền lãnh thổ của các quốc gia; gần đây nhất là lên án hành động của Trung Quốc, yêu cầu Trung Quốc tôn trọng luật pháp quốc tế về vấn đề biển Đông

Câu 6. Hiệp ước Ba li xác định những nguyên tắc cơ bản nào trong quan hệ giữa các nước ASEAN? Phát biểu ý kiến của anh chị về nguyên tắc: Tôn trọng độc lập, chủ quyền, và toàn vẹn lãnh thổ của nhau

*** Phát biểu ý kiến về nguyên tắc: Tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của nhau trong hiệp ước Bali:** (học sinh có thể vận dụng kiến thức lịch sử, liên hệ thực tiễn để phân tích, nhận xét, giải thích, đánh giá về quyền dân tộc cơ bản, nhất là trong tình hình quốc tế và khu vực hiện nay, nhưng phải lập luận chặt chẽ, diễn đạt mạch lạc)

- Quyền bình đẳng, toàn vẹn lãnh thổ và độc lập chính trị của mỗi quốc gia là những quyền tự nhiên mang tính bản năng của con người. Đó là những quyền vốn có, được nhân loại nhấn thức ngày càng sâu sắc như một giá trị phổ quát, được khẳng định về mặt pháp lý trong các bản tuyên ngôn độc lập (hoa kỳ 1776), tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền Pháp 1791, tuyên ngôn độc lập Việt Nam 1945, Tuyên

ngôn toàn thế giới về quyền con người Liên Hợp quốc, hiến chương Liên hợp quốc 1945, tuyên bố Ba li ASEAN 1976...Điểm chung là tất cả mọi người sinh ra đều bình đẳng, tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được, trong những quyền đó có quyền sống, quyền tự do và mưu cầu hạnh phúc.

- Ví dụ Trung Quốc đặt giàn khoan -> vi phạm chủ quyền

- Là cơ sở để các nước giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp hòa bình, duy trì một nền hòa bình, an ninh chung của toàn thế giới, đảm bảo cho sự phát triển của tất cả các dân tộc trên thế giới

- Nhân dân Việt Nam đã từng trải qua nhiều cuộc chiến tranh chống ngoại xâm, đất nước nhiều lần bị chia cắt, nhưng kiên trì và anh dũng đấu tranh giành thắng lợi. trong tuyên ngôn độc lập hồ chí minh nói: “Nước..”

Câu 9. Những thách thức chính của các nước thành viên ASEAN khi cộng đồng ASEAN được thành lập.

- ASEAN có bước phát triển mới về chất từ một hiệp hội lỏng lẻo 5 nước ban đầu đã phát triển thành một tổ chức gồm 10 nước, đặc biệt trở thành cộng đồng. Hiến chương ASEAN đã tạo cơ sở pháp lí để tăng cường liên kết hai nhóm nước với mục tiêu trước mắt là xây dựng cộng đồng ASEAN dựa trên 3 trụ cột. Ngày 31/12/2015, cộng đồng ASEAN chính thức thành lập, cho thấy hiệp hội có vai trò chủ động trong việc xử lí những vấn đề quan trọng của khu vực, linh hoạt, năng động, nhanh chóng thích ứng trước những biến động của khu vực và trên thế giới. Vì thế, ASEAN được coi là một tổ chức thành công nhất sau EU.

*** Thách thức:**

- Về ưu tiên chiến lược, năng lực của từng quốc gia cách nhau càng rõ nét, sự chênh lệch về trình độ phát triển giữa các nước ngày càng lớn.

- ASEAN tồn tại những mâu thuẫn tranh chấp lãnh thổ, lãnh hải, những xung đột quốc gia vẫn còn

- Những thách thức an ninh khu vực kể cả an ninh truyền thống, phi truyền thống: biến đổi khí hậu, dịch bệnh, ...

- Các nước lớn thì tăng cường can dự vào khu vực: vừa tạo thuận lợi cho khu vực phát triển vừa đặt ra không ít thách thức, kể cả hệ lụy về xây dựng lòng tin, vượt qua nghi kỵ, lợi ích riêng hẹp hòi. Điều đó có tác động không nhỏ đến tình đoàn kết và vai trò trung tâm của ASEAN trong cấu trúc khu vực, đặc biệt là các nước lớn vì lợi ích của mình đã chia rẽ ASEAN bằng kinh tế, áp lực. ASEAN chỉ mạnh khi đoàn kết thống nhất và có tiếng nói chung.

Câu 10. Các nước ASEAN cần làm gì để giải quyết thách thức lớn nhất của mình là sự hài hòa lợi ích quốc gia và lợi ích khu vực?

- Giải quyết hài hòa lợi ích quốc gia và lợi ích khu vực là vấn đề nan giải nhất của ASEAN.

- Mục tiêu của ASEAN hiện nay là phát triển cộng đồng ASEAN với 3 trụ cột, trong đó có lợi ích của từng nước, tiếp tục tăng cường đoàn kết và phát huy vai trò chủ đạo của hiệp hội trong xử lý các vấn đề an ninh, hòa bình, ổn định, phát triển khu vực..

- Để thực hiện mục tiêu trên, các nước ASEAN tập trung vào các vấn đề:

+ Tuân thủ hiến chương, nguyên tắc chuẩn mực chung của hiệp hội

+ Thực hiện tham vấn rộng rãi các thành viên trong hiệp hội

+ Xây dựng sự đồng thuận trong tổ chức

+ Khi có sự đồng thuận và lập trường chung trong 1 vấn đề thì phải tuân thủ nghiêm túc

+ Cần xây dựng trọng tâm ưu tiên chung của ASEAN và của các quốc gia qua đó kết hợp hài hòa lợi ích quốc gia và lợi ích tổ chức

+ Từng nước ASEAN phải coi ASEAN là ngôi nhà chung của mình, trong đó có lợi ích của mình. Hiệp hội mạnh thì lợi ích của từng nước cũng có trong đó. Nếu 1 nước nào đó chỉ vì lợi ích riêng của dân tộc, bỏ qua lợi ích chung của khu vực

thì lợi ích đó chỉ là nhất thời, trước mắt. Các nước cần phải đặt lợi ích của mình trong mối liên hệ với lợi ích của các nước khác. Thực tế, hiện nay vấn đề lợi ích quốc gia với lợi ích tổ chức vẫn còn tồn tại.

2.5. Kết quả thực hiện

Sau khi tổ chức dạy học chuyên đề chuyên sâu, trong đó có chuyên đề một số vấn đề về hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á, các em đã có những nhận thức tích cực. 100% các em cho rằng học theo chuyên đề chuyên sâu giúp các em hiểu rõ bản chất của sự kiện, phát huy tính chủ động của mình cũng như giải quyết được các câu hỏi ở mức độ vận dụng cao trong các đề thi. 75% các em học sinh trong đội tuyển đạt điểm tối đa khi có các câu hỏi liên quan đến tổ chức ASEAN ở các dạng nhận thức. Hàng năm, ở trường chúng tôi, tỷ lệ học sinh giỏi olympic tỉnh, khu vực; học sinh giỏi tỉnh Tỉnh môn Lịch sử chiếm hơn 50% đội giải trong đội tuyển của trường đi thi; điểm Lịch sử trong các kì thi THPT đạt phổ điểm cao hơn trung bình chung của tỉnh và Quốc gia. Điều đáng chú ý là trong kì thi chọn học sinh giỏi Quốc gia năm học 2015 – 2016, đề thi có 1 câu hỏi liên quan trực tiếp đến việc vận dụng nội dung đề tài.

3. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

3.1. Kết luận

- Đề tài được chúng tôi đúc kết qua thực tiễn bồi dưỡng học sinh giỏi môn Lịch sử ở trường THPT và qua các đợt tập huấn của Bộ Giáo dục và đào tạo về xây dựng các chuyên đề dạy học theo định hướng phát triển năng lực của học sinh

- Việc tổ chức dạy học theo chuyên đề chuyên sâu góp phần quan trọng trong việc phát triển năng lực của học sinh cũng như nâng cao chất lượng dạy học môn Lịch sử, giúp học sinh hiểu rõ bản chất của sự kiện để từ đó vận dụng vào việc giải quyết các dạng câu hỏi, bài tập ở mức độ cao, phục vụ cho các kì thi.

- Dạy học theo chuyên đề chuyên sâu sẽ giúp giáo viên đánh giá được khả năng sáng tạo, phát hiện và giải quyết vấn đề của học sinh, từ đó có đánh giá khách quan về kết quả học tập của học sinh. Tuy nhiên, để xây dựng chuyên đề chuyên sâu trong dạy học Lịch sử đòi hỏi kiến thức chắc chắn, sâu rộng của giáo viên và sự chủ động, tích cực của học sinh khi tiếp nhận.

3.2. Kiến nghị

- Trên cơ sở triển khai ở một chuyên đề lịch sử cụ thể, với mục tiêu là phục vụ cho đối tượng học sinh giỏi và thi xét Đại học khối C, đề tài mong muốn góp một phần để đồng nghiệp tham khảo, vận dụng trong những vấn đề lịch sử khác

- Dạy học chuyên đề chuyên sâu nên được sử dụng phổ biến cho mọi đối tượng học sinh, cho mọi môn học nhằm đạt mục tiêu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục.

- Đề tài chắc chắn vẫn còn nhiều thiếu sót, rất mong được sự đóng góp ý kiến chân thành từ đồng nghiệp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2014, *Tài liệu tập huấn xây dựng các chuyên đề dạy học theo định hướng phát triển năng lực học sinh*, Hà Nội.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2015, *Tài liệu Hội thảo chương trình giáo dục phổ thông tổng thể trong chương trình giáo dục phổ thông mới*, Hà Nội
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2012, *Lịch sử 12*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
4. Bộ Ngoại giao, 1999, *Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
5. Phạm Đức Thành, 1996, *Việt Nam – ASEAN – cơ hội và thách thức*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
6. Nguyễn Công Thắng, 1996, *Khu vực mậu dịch tự do ASEAN*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
7. Phạm Nguyên Long, 1996, *Các con đường phát triển của ASEAN*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội
8. Nguyễn Xuân Sơn, 1997, *Quan hệ đối ngoại của các nước ASEAN*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
9. Một số trang web:
https://vi.wikipedia.org/wiki/Cộng_đồng_Kinh_tế_ASEAN
www.doimoi.org/.../cong-dong-kinh-te-asean-co-hoi-va-thach-thuc-doi-
www.trungtamwto.vn/chuyen-de/aec
www.uef.edu.vn/newsimg/tap-chi-uef/2015-01-02-20/1.pdf
js.vnu.edu.vn/upload/2014/02/1118/5.pdf